TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày: 24-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thành và ông Nguyễn Văn Bạn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Trung N, sinh năm 1995 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 1, ngõ 215 đường L, khu 5, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H (đã chết) và bà Đoàn Thị D;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 200 ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt Phạm Trung N 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". N chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2020.

Tiền sự: Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 36 ngày 31/12/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương đối với Phạm Trung N trong thời hạn 18 tháng.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 65 ngày 16/11/2011 của công an thành phố Hải Dương, xử phạt hành chính Phạm Trung N 350.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý. N đã nộp phạt ngày 23/11/2011.

Hiện đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1983.

Trú tại: số nhà 34 đường B, phường B, thành phố U, tỉnh Q. (Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt)

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Những người làm chứng:

+Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958.

- Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987.

- Chị Đào Thị H1, sinh năm 1970.

- Chị Đinh Thị H2, sinh năm 1979.

- Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1973.

- Anh Trịnh Đức T, sinh năm 1980.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983.

- Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1979.

- Bà Trần Thị T2, sinh năm 1965.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1960.

- Chị Đặng Thị Y2, sinh năm 1987.

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1979.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh N là chủ hộ kinh doanh cơ sở sản xuất- chế biến nông sản thực phẩm B (tên thường gọi là nhà phân phối Đ). Khoảng tháng 5 năm 2022, chị L thuê Phạm Trung N làm việc cho nhà phân phối Đ (không ký hợp đồng, chỉ thoả thuận bằng lời nói). Hàng ngày, N đi theo lái xe là anh Đinh Văn Đ chở hàng đã đóng sẵn của nhà phân phối đến giao cho các cửa hàng tạp hoá, thu tiền và đưa lại tiền cho chị L. Khi N đi giao hàng, chị L đưa cho N các hoá đơn bán hàng đã in sẵn và sổ ghi chép tên các cửa hàng cùng số tiền thanh toán. Trong quá trình giao hàng nếu có phát sinh các trường hợp khách trả hàng, lấy

thêm hàng thì N sẽ tự trừ tiền theo hoá đơn hoặc viết thêm vào sổ và hoá đơn rồi chuyển lại cho chị L tiền, hoá đơn, sổ ghi chép vào cuối ngày.

Trong một số ngày đi giao hàng từ ngày 23/5/2022 đến ngày 07/6/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, khi về đến địa bàn thành phố C, tỉnh Hải Dương, N nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đã thu của một hoặc một số cửa hàng. N đã ghi vào sổ, hoá đơn đối với 12 cửa hàng là khách nợ tiền hoặc khách thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản để chiếm đoạt tổng số tiền: 27.102.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm linh hai nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị L, cụ thể như sau:

- Giao hàng ngày 23/5/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ chị L ghi số tiền phải thu của cửa hàng "Cô Thu" (bà Vũ Thị T, sinh năm: 1958, trú tại: khu 1, đường T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương) là *"in đơn chuyến sau lấy"* (nghĩa là báo với chị L khách chưa trả tiền, chuyến sau lấy tiền) để chiếm đoạt số tiền đã thu của cửa hàng là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 25/5/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ chị L ghi tiền hàng của cửa hàng: "Hoàng Lan" (chị Bùi Thị L, sinh năm: 1987, địa chỉ: khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương) là: *"nợ"* (nghĩa là báo với chị L khách nợ chưa trả tiền) để chiếm đoạt số tiền hàng đã thu là: 803.000đ (Tám trăm linh ba nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 26/5/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ chị L ghi tiền hàng của cửa hàng "*Hiền Nam*" (của chị Đào Thị H, sinh năm: 1970, địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương) là: *"in đơn nợ"* (nghĩa là báo với chị L khách nợ chưa trả tiền), để chiếm đoạt số tiền hàng đã thu là: 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 30/5/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ chị L ghi tiền hàng của cửa hàng "*Phong Huê*" (của chị Đinh Thị H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thị tứ - Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương) là: *"in đơn nợ"* (nghĩa là báo với chị L khách nợ chưa trả tiền), để chiếm đoạt số tiền hàng đã thu là: 1.521.000đ (Một triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 02/6/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ chị Lệ ghi tiền hàng của cửa hàng "Chị Hoa" (của chị Đỗ Thị Y, sinh năm: 1973, địa chỉ: số 27 Đ, Đ, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương) là: *"in đơn chuyến sau lấy tiền"* đồng thời viết chữ *"Hoa"* vào hoá đơn bán hàng (nghĩa là báo với chị L khách nợ chưa trả tiền), để chiếm đoạt số tiền hàng đã thu là: 5.665.000đ (Năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 06/6/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền mặt của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ của chị L đã ghi đối với một số cửa hàng để chiếm đoạt tiền gồm: đối với cửa hàng Quyên Trượng (của anh Trịnh Đức T, sinh năm: 1980, địa chỉ: thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương), N đã ghi: *"CK"* (tức là khách hàng chuyển khoản để trả) nhằm chiếm đoạt số tiền 1.778.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Đối với cửa hàng Cường Phượng (của chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1983, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương), N đã ghi: *"Chuyển khoản"* để chiếm đoạt số tiền: 1.710.000đ *(*Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Đối với cửa hàng Thúy Tân (của chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1971, địa chỉ: khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương), N đã viết: *"in đơn nợ"* để chiếm đoạt số tiền: 2.670.000đ *(*Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Đối với cửa hàng T (của chị Trần Thị T, sinh năm: 1965, địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương), N đã viết: *"CK"* để chiếm đoạt số tiền: 1.500.000đ (Một triệu lăm trăm nghìn đồng). Đối với cửa hàng D (của bà Trần Thị L, sinh năm: 1960, địa chỉ: khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương), N đã viết: *"gửi hàng"* để chiếm đoạt số tiền: 1.235.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Giao hàng ngày 07/6/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng xong, N đã viết vào sổ ghi chép cạnh phần chữ của chị L đã ghi để chiếm đoạt tiền hàng của hai cửa hàng: Đối với cửa hàng Tình Yến (của chị Đặng Thị Y, sinh năm: 1978, địa chỉ: T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương), N đã viết: *"nợ in đơn"* để chiếm đoạt số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Đối với cửa hàng Cường Lợi (của chị Trần Thị L, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương), N đã viết: *"nợ mai qua lấy tiền"* để chiếm đoạt số tiền 2.020.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Sau đó, chị L liên hệ với chủ các cửa hàng mà N ghi trong sổ là nợ tiền hàng hoặc chuyển khoản thì biết được các cửa hàng đã trả đầy đủ tiền mặt cho N khi nhận hàng. Sau đó, chị L gửi đơn trình báo đến công an thành phố Chí Linh.

Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKS-CL ngày 29/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Trung N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Chị Lệ đề nghị, ngoài việc truy tố bị cáo chiếm đoạt số tiền 27.102.000 đồng, N có hành vi chiếm đoạt số tiền 47.903.000 đồng nhưng VKS xác định là quan hệ dân sự là không đúng.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Trung N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo N từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải trả lại chị L và anh Đ số tiền 27.102.000 đồng.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề xuất về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, VKSND thành phố Chí Linh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Trung N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Trung N và chị Nguyễn Thị L là chủ nhà phân phối "*Đoàn Lệ*" thỏa thuận bằng lời nói về việc N đi giao hàng của nhà phân phối cho các cửa hàng tạp hóa và thu tiền về giao lại cho chị L. Trong một số ngày giao hàng từ ngày 23/5/2022 đến 07/6/2022, sau khi giao hàng và nhận tiền của các cửa hàng trên

địa bàn tỉnh Hải Dương, khi về đến địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đã thu của một hoặc một số cửa hàng nên đã ghi vào sổ, hóa đơn của 12 cửa hàng là khách nợ hoặc chuyển khoản để chiếm đoạt tổng số tiền đã thu là: 27.102.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm linh hai nghìn đồng)* của chị Nguyễn Thị L.

Bị cáo N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sau khi nhận được tiền hàng của chị L, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền 27.102.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND thành phố Chí Linh truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ra tâm lý hoang mang, tạo dư luận không tốt, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, HĐXX phải xử lý nghiêm.

[3] Để có căn cứ áp dụng hình phạt, HĐXX cần đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng chấp hành án tại trại giam nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, đang chấp hành biện pháp áp dụng xử lý hành chính đưa vào cơ sơ cai nghiện bắt buộc nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Anh Đinh Văn Đ chỉ lái xe chở N đi giao hàng, không biết việc N thu tiền, chiếm đoạt tiền hàng đã thu nên Cơ quan điều tra không đặt ra xử lý là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 27.102.000 đồng của chị L và anh Đ nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại số tiền trên.

[5] Ngày 08/6/2022, bị cáo đã đi giao hàng cho 28 cửa hàng trên địa bàn thành phố C, thành phố H, huyện N, huyện G, huyện T….và thu tổng số tiền 47.903.000 đồng *(Bốn mươi bảy triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng)* của các cửa hàng nhưng chưa đưa lại số tiền trên cho chị L. Sau khi chị L hỏi, N đã hứa với chị L vài ngày sau sẽ thu xếp tiền trả chị L. Ngày 12/6/2022, N vừa về nhà thì bị lực lượng công an phường L, thành phố H đưa đi cai nghiện bắt buộc nên chưa trả tiền chị L được. Việc N chưa trả chị L số tiền trên là việc chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra và VKSND thành phố Chí Linh không đặt ra xử lý. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã 2 lần trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ về động cơ, mục đích, ý thức chiếm đoạt của bị cáo N đối với số tiền trên, qua đó xác định hành vi này có đủ yếu tố cấu thành tội phạm không. Tuy nhiên, VKSND thành phố Chí Linh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án chỉ xét xử bị cáo và hành vi theo tội danh VKS đã truy tố. Do đó, HĐXX không thể xét xử bị cáo N về hành vi chiếm đoạt số tiền 47.903.000 đồng như đề nghị của bị hại tại phiên tòa. HĐXX kiến nghị cơ quan điều tra - Công an thành phố Chí Linh và VKSND thành phố Chí Linh tiếp tục xác minh, làm rõ về hành vi trên, nếu có căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau. Trong trường hợp không làm rõ được, chị L có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 47.903.000 đồng bằng 1 vụ án dân sự khác.

[6] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa, chị L không đề nghị xin lại 2 quyển sổ ghi chép việc giao nhận hàng hóa của chị L nên quản lý tài liệu trên trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ bồi thường của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Trung N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Trung N 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Phạm Trung N phải trả lại cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến Đ số tiền 27.102.000 đ (hai mươi bẩy triệu, một trăm linh hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L và anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành thì phải chịu lãi với số tiền phải thi hành, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: bị cáo Phạm Trung N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.355.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP. Chí Linh;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ-CA TP. Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà